TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 372/2025/HNGĐ -ST
Ngày: 06/5/2025
V/v:"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN

/- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Minh Hòa

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Ron

Ông Nguyễn Tấn Bình

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Kim Trâm

Thư ký Toà án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

- ***Đại diện VKSND TP. Quy Nhơn tham G phiên tòa***:

Ông Phạm Ngọc Thuận - Kiểm sát viên

***

Ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1063/2024/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/3/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng M, sinh năm: 199X; Địa chỉ: 4X/4X T, thành phố Q, tỉnh B (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Huỳnh Ngọc Đ, sinh năm: 199X; Địa chỉ: 4X/4X T, thành phố Q, tỉnh B (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/10/2024 và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng M trình bày: Chị và anh Huỳnh Ngọc Đ kết hôn ngày 2X/0X/201X tại UBND phường Đ, thành phố Q, tỉnh B trên

tinh thần tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối. Su khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ không có trách nhiệm với G đình, không quan tâm đến vợ con. Nay chị không còn tình cảm nên xin được ly hôn với anh Đ để cả hai ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh Đ có 03 người con chung tên Huỳnh Ngọc Hoàng G, sinh ngày 1X/X/201X, Huỳnh Ngọc So C, sinh ngày X1/X6/202X, Huỳnh Ngọc Kim S, sinh ngày 1X/0X/202X sức khỏe các con bình thường. Ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng 03 cháu. Về cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Huỳnh Ngọc Đ: không nộp bản tự khai và vắng mặt không có lý do trong tất cả các buổi làm việc và tại phiên tòa sơ thẩm mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa.

* Ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: từ khi thụ lý đến phiên tòa xét xử Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng các trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70,71 BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70,72 BLTTDS.

Về giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và giải quyết nuôi con chung của nguyên đơn có căn cứ pháp luật phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56, 81, 82 Luật hôn nhân và Gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Su khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Chị M, anh Đ kết hôn ngày 2X/0X/201X tại UBND phường Đ, thành phố Q, tỉnh B nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Anh Đ cư trú tại 4X/4X T, thành phố Q, tỉnh B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 1 điều 28; điều 35 và điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt hợp lệ đối với bị đơn thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc Giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về kết quả phiên họp

kiểm tra việc Giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu khởi kiện, lời trình bày của nguyên đơn và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án để xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án: Theo chị Đ trình bày Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ không có trách nhiệm với Gia đình, không quan tâm đến vợ con. Nay chị không còn tình cảm nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, tôn trọng và chăm sóc, giúp đỡ nhau, nhưng qua lời trình bày của chị M và anh Đ thì giữa hai bên xảy ra mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, cả hai đã không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa đã triệu tập nhiều lần nhưng anh Đ không đến Tòa làm việc, chứng tỏ anh Đ không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị M xin được ly hôn anh Đ là phù hợp theo quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình.

[4]. Về con chung: Trong quá trình chung sống chị M và anh Đ có 03 người con chung tên Huỳnh Ngọc Hoàng G, sinh ngày 1X/X/201X, Huỳnh Ngọc Sao C, sinh ngày 0X/0X/202X, Huỳnh Ngọc Kim S, sinh ngày 1X/0X/202X sức khỏe các con bình thường. Ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng 03 cháu.

Xét thấy: Từ khi chị M và anh Đ xảy ra mâu thuẫn đến nay 03 cháu Huỳnh Ngọc Hoàng G, Huỳnh Ngọc So C, Huỳnh Ngọc Kim S, đã quen với nề nếp sinh hoạt và sự chăm sóc của chị M. Ly hôn, chị M xin được trực tiếp nuôi dưỡng 03 cháu. Xét thấy các cháu còn nhỏ tuổi, cần sự chăm sóc thường xuyên của mẹ sẻ thuận lợi hơn trong cuộc sống, bảo đảm sự phát triển tốt cho các cháu. Quá trình giải quyết vụ án, anh Đ không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử Giao cả 03 con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân G đình

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7]. Về án phí hôn nhân Gia đình sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14. Chị M phải chịu án phí hôn nhân G đình.

[8]. Ý kiến của đại diện viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, khoản 1 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng M được ly hôn anh Huỳnh Ngọc Đ

2. Về nuôi con chung: Go 03 người con chung tên Huỳnh Ngọc Hoàng G, sinh ngày 1X/9/201X, Huỳnh Ngọc So C, sinh ngày 01/06/202X, Huỳnh Ngọc Kim S, sinh ngày 10/09/202X cho chị Nguyễn Thị Hồng M trực tiếp nuôi dưỡng.

- Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên có quyền xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không bên nào được ngăn cản.

3.Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí hôn nhân Gia đình sơ thẩm: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân Gia đình, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0000857 ngày 21/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn. Chị M đã nộp xong.

Quyền kháng cáo: Chị M, anh Đ vắng mặt tại phiên toà nên thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định ;
- VKSND TP. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS TP. Quy Nhơn ;
- Các đương sự;
- Lưu án văn.

Trần Thị Minh Hòa